

INTAKE FORM
MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH

NAME (TÊN)	: VU	PHI	HUNG
	: Last (Tên Họ)	: Middle (Giữa)	: First (Tên gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH	: 12	: 24	: 1931
	: Month (Tháng)	: Day (Ngày)	: Year (Năm)
SEX (Nam hay Nữ)	: Male (Nam) : ☒	Female (Nữ) : ☐	
MARITAL STATUS (Tình trạng gia đình):	: Single (Độc thân) :	Married (Có lập gia đình) : ☒	
ADDRESS IN VIETNAM (Địa chỉ tại VN)	: 762 DIEN BIEN PHU, TP. HO CHI MINH, VIET NAM		
POLITICAL PRISONER	: (Có lẽ tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) ☒ No (Không) : ☐		
	: If yes (Nếu có) : From (Từ) : 09-06-1975		To (Đến) NOW
PLACE OF RE-EDUCATION: CAMP (Trại Tù)	: #19 Z30 A/KA XUAN LOC DONG NAI VIET NAM		
PROFESSION (Nghề Nghiệp)	: BIG COLONEL OF THE REPUBLIC VN ARMED FORCES		
EDUCATION IN U.S. (Du Học tại Mỹ)	: 1955-1956, 1967-1968 : FORT BENNING GEORGIA USA		
VN ARMY (Quân đội VN):	Rank (Cấp Bậc) : BIG COLONEL		
VN GOVERNMENT (Trong chính phủ VN)	: Position (Chức Vụ) : DEPUTY COMMANDER THE 108 RANGER DIVISION Date (Nam) 1974		
APPLICATION FOR O.D.P.	Yes (Có) : ☒ IV Number (Số hồ sơ) :		No (Không) : ☐
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING	: (Số người đi theo) :		
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	: (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2		
MAILING ADDRESS IN VN: (Địa chỉ liên lạc tại VN)	: 762 DIEN BIEN PHU , P.14, Q. 10, TP. HO CHI MINH VIET NAM		
NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên, Địa chỉ thân nhân hay người Bảo Trợ)	: HUYNH THI NGOC LIEN 636 JARRY EST, MTL, PQ H2P -1V7 CANADA		
U.S. CITIZEN	: (Có quốc tịch Hoa Kỳ) :		No (Không) : ☒
RELATIONSHIP WITH PRISONER	: (liên hệ với người ở VN)		WIFE
NAME AND SIGNATURE	: HUYNH THI NGOC LIEN		
ADDRESS OF INFORMANT (Tên, Địa chỉ, Chữ ký của người điền đơn này)	: 636 JARRY EST MTL PQ H2P-1V7 CANADA		
DATE	: 25-02-1985		

INTAKE FORM
MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH

NAME (TÊN) : VU PHI HUNG
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 12 24 1931
Month (Tháng) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (Nam hay Nữ) : Male (Nam) : ☒ Female (Nữ) : ☐

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : ☐ Married (Có lập gia đình) : ☒
(Tình trạng gia đình):

ADDRESS IN VIETNAM : 762 DIEN BIEN PHU, TP. HO CHI MINH, VIET NAM
(Địa chỉ tại VN)

POLITICAL PRISONER : (Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) ☒ No (Không) : ☐
: If yes (Nếu có) : From (Từ) : 09-06-1975 To (Đến) NOW

PLACE OF RE-EDUCATION: #19 Z30 A/KA XUAN LOC DONG NAI VIET NAM
CAMP (Trại Tù)

PROFESSION (Nghề Nghiệp) : BIG COLONEL OF THE REPUBLIC VN ARMED FORCES

EDUCATION IN U.S. : 1955-1956, 1967-1968 : FORT BENNING GEORGIA USA
(Du Học tại Mỹ)

VN ARMY (Quân đội VN): Rank (Cấp/Bậc) : BIG COLONEL

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : DEPUTY COMMANDER THE 108 RANGER DIVISION 1974
(Trong chính phủ VN) Date (Năm)

APPLICATION FOR O.D.P. Yes (Có) : ☒ IV Number (Số hồ sơ) : No (Không) : ☐

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) :
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2

MAILING ADDRESS IN VN: 762 DIEN BIEN PHU, P.14, Q. 10, TP. HO CHI MINH VIET NAM
(Địa chỉ liên lạc tại VN)

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : HUYNH THI NGOC LIEN
(Tên, Địa chỉ thân nhân hay người Bảo Trử) 636 JARRY EST, MTL, PQ H2P -1V7 CANADA

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : No (Không) : ☒

RELATIONSHIP WITH PRISONER : (liên hệ với người ở VN) WIFE

NAME AND SIGNATURE : HUYNH THI NGOC LIEN

ADDRESS OF INFORMANT : 636 JARRY EST MTL PQ H2P-1V7 CANADA
(Tên, Địa chỉ, Chữ ký của người điền đơn này)

DATE : 25-02-1985

INTAKE FORM
MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH

NAME (TÊN) : VU PHI HUNG
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 12 24 1931
Month (Tháng) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (Nam hay Nữ) : Male (Nam) : ☒ Female (Nữ) : ☐

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : ☐ Married (Có lập gia đình) : ☒
(Tình trạng gia đình):

ADDRESS IN VIETNAM : 762 DIEN BIEN PHU, TP. HO CHI MINH, VIET NAM
(Địa chỉ tại VN)

POLITICAL PRISONER : (Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) ☒ No (Không) : ☐
: If yes (Nếu có) : From (Từ) : 09-06-1975 To (Đến) NOW

PLACE OF RE-EDUCATION: #19 230 A/KA XUAN LOC DONG NAI VIET NAM
CAMP (Trại Tù)

PROFESSION (Nghề Nghiệp) : BIG COLONEL OF THE REPUBLIC VN ARMED FORCES

EDUCATION IN U.S. : 1955-1956, 1967-1968 : FORT BENNING GEORGIA USA
(Du Học tại Mỹ)

VN ARMY (Quân đội VN): Rank (Cấp/Bậc) : BIG COLONEL

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : DEPUTY COMMANDER THE 108 RANGER DIVISION 1974
(Trong chính phủ VN) Date (Năm)

APPLICATION FOR O.D.P. Yes (Có) : ☒ IV Number (Số hồ sơ) : No (Không) : ☐

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) :
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2

MAILING ADDRESS IN VN: 762 DIEN BIEN PHU, P.14, Q. 10, TP. HO CHI MINH VIET NAM
(Địa chỉ liên lạc tại VN)

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : HUYNH THI NGOC LIEN
(Tên, Địa chỉ thân nhân hay người Bảo Trợ) 636 JARRY EST, MTL, PQ H2P -1V7 CANADA

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : No (Không) : ☒

RELATIONSHIP WITH PRISONER : (liên hệ với người ở VN) WIFE

NAME AND SIGNATURE : HUYNH THI NGOC LIEN

ADDRESS OF INFORMANT : 636 JARRY EST MTL PQ H2P-1V7 CANADA
(Tên, Địa chỉ, Chữ ký của người điền đơn này)

DATE : 25-02-1985

INTAKE FORM
MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH

NAME (TÊN)	: VU	PHI	HUNG
	Last (Tên Họ)	Middle (Giữa)	First (Tên gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH	: 12	24	1931
	Month (Tháng)	Day (Ngày)	Year (Năm)
SEX (Nam hay Nữ)	: Male (Nam) : ☒ Female (Nữ) : ☐		
MARITAL STATUS (Tình trạng gia đình):	: Single (Độc thân) : ☐ Married (Có lập gia đình) : ☒		
ADDRESS IN VIETNAM (Địa chỉ tại VN)	: 762 DIEN BIEN PHU, TP. HO CHI MINH, VIET NAM		
POLITICAL PRISONER	: (Có lẽ tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) ☒ No (Không) : ☐		
	: If yes (Nếu có) : From (Từ) : 09-06-1975 To (Đến) NOW		
PLACE OF RE-EDUCATION: CAMP (Trại Tù)	: #19 Z30 A/KA XUAN LOC DONG NAI VIET NAM		
PROFESSION (Nghề Nghiệp)	: BIG COLONEL OF THE REPUBLIC VN ARMED FORCES		
EDUCATION IN U.S. (Du Học tại Mỹ)	: 1955-1956, 1967-1968 : FORT BENNING GEORGIA USA		
VN ARMY (Quân đội VN):	Rank (Cấp/Bậc) : BIG COLONEL		
VN GOVERNMENT (Trong chính phủ VN)	: Position (Chức Vụ) : DEPUTY COMMANDER THE 108 RANGER DIVISION Date (Ngày) 1974		
APPLICATION FOR O.D.P.	Yes (Có) : ☒ IV Number (Số hồ sơ) : No (Không) : ☐		
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING	: (Số người đi theo) :		
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	: (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2		
MAILING ADDRESS IN VN: (Địa chỉ liên lạc tại VN)	: 762 DIEN BIEN PHU, P.14, Q. 10, TP. HO CHI MINH VIET NAM		
NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên, Địa chỉ thân nhân hay người Bảo Trợ)	: HUYNH THI NGOC LIEN 636 JARRY EST, MTL, PQ H2P -1V7 CANADA		
U.S. CITIZEN	: (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : No (Không) : ☒		
RELATIONSHIP WITH PRISONER	: (liên hệ với người ở VN) WIFE		
NAME AND SIGNATURE	: HUYNH THI NGOC LIEN		
ADDRESS OF INFORMANT (Tên, Địa chỉ, Chữ ký của người điền đơn này)	: 636 JARRY EST MTL PQ H2P-1V7 CANADA		
DATE	: 25-02-1985		

INTAKE FORM
MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH

NAME (TÊN)	: VU	PHI	HUNG
	Last (Tên Họ)	Middle (Giữa)	First (Tên gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH	: 12	24	1931
	Month (Tháng)	Day (Ngày)	Year (Năm)
SEX (Nam hay Nữ)	: Male (Nam) : ☒	Female (Nữ) : ☐	
MARITAL STATUS (Tình trạng gia đình):	: Single (Độc thân) :	Married (Có lập gia đình) : ☒	
ADDRESS IN VIETNAM (Địa chỉ tại VN)	: 762 DIEN BIEN PHU, TP. HO CHI MINH, VIET NAM		
POLITICAL PRISONER	: (Có lẽ tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) ☒ No (Không) :		
	: If yes (Nếu có) : From (Từ) : 09-06-1975		To (Đến) NOW
PLACE OF RE-EDUCATION: CAMP (Trại Tù)	: #19 Z30 A/KA XUAN LOC DONG NAI VIET NAM		
PROFESSION (Nghề Nghiệp) :	BIG COLONEL OF THE REPUBLIC VN ARMED FORCES		
EDUCATION IN U.S. (Du Học tại Mỹ)	: 1955-1956, 1967-1968 : FORT BENNING GEORGIA USA		
VN ARMY (Quân đội VN):	Rank (Cấp/Bậc) : BIG COLONEL		
VN GOVERNMENT (Trong chính phủ VN)	: Position (Chức Vụ) : DEPUTY COMMANDER THE 108 RANGER DIVISION 1974 Date (Nam)		
APPLICATION FOR O.D.P.	Yes (Có) : ☒ IV Number (Số hồ sơ) :		No (Không) : ☐
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING :	(Số người đi theo) :		
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	(Tên thân nhân thấp tưng) Xin ghi ở trang 2		
MAILING ADDRESS IN VN: (Địa chỉ liên lạc tại VN)	: 762 DIEN BIEN PHU, P.14, Q. 10, TP. HO CHI MINH VIET NAM		
NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên, Địa chỉ thân nhân hay người Bảo Trợ)	: HUYNH THI NGOC LIEN 636 JARRY EST, MTL, PQ H2P -1V7 CANADA		
U.S. CITIZEN	: (Có quốc tịch Hoa Kỳ) :		No (Không) : ☒
RELATIONSHIP WITH PRISONER :	(liên hệ với người ở VN)		WIFE
NAME AND SIGNATURE	: HUYNH THI NGOC LIEN		
ADDRESS OF INFORMANT (Tên, Địa chỉ, Chữ ký của người điền đơn này)	: 636 JARRY EST MTL PQ H2P-1V7 CANADA		
DATE :	: 25-02-1985		

INTAKE FORM

NAME : Vu Phi Hung

DATE, PLACE OF BIRTH : Dec. 24, 1931

SEX : Male

MARITAL STATUS : Married

ADRESSS IN VIETNAM : Wife's relative: 215 Dinh Tien Hoang
Dakao Ho chi Minh ville

ACTUAL SITUATION : Political prisioner (From june 09 1975
until now)

PLACE OF REEDUCATION : Reeducation camp Z 30A/KA Doi 19
Xuan-Loc Dong-Nai south Vietnam

PROFESSION (BEFOR 1975) : Big Colonel, Deputy commande

MILITARY UNIT : 108 Ranger division/ #51/300539

NUMBER OF ACCOMPANYING : No

RELATIVES :

MAILING ADDRESS IN VIETNAM : 215 Dinh Tien Hoang, Da-Kao
Ho Chi Minh, south Vietnam

NAME ADDRESS OF SPONSOR Vu HUynh Ngoc Lien

OR RELATIVE :

CITIZEN : Canadien

RELATIONSHIP WITH PRISIONER: Wife

NAME : Vu Huynh Ngoc Lien

ADDRESS OF INFORMANT : 4785 Bouchette# 07
Montréal, Quebec H3W 1C6
Canada

I swear that the above information is true to the best of my knowledge

Signature:

Date:

INTAKE FORM

NAME : Vu Phi Hung
DATE, PLACE OF BIRTH : Dec. 24, 1931
SEX : Male
MARITAL STATUS : Married
ADRESSS IN VIETNAM : Wife's relative: 215 Dinh Tien Hoang
Dakao Ho chi Minh ville
ACTUAL SITUATION : Political prisoner (From june 09 1975
until now)
PLACE OF REEDUCATION : Reeducation camp Z 30A/KA Doi 19
Xuan-Loc Dong-Nai south Vietnam
PROFESSION (BEFOR 1975) : Big Colonel, Deputy commande
MILITARY UNIT : 108 Ranger division/ #51/300539
NUMBER OF ACCOMPANYING : No
RELATIVES :
MAILING ADDRESS IN VIETNAM : 215 Dinh Tien Hoang, Da-Kao
Ho Chi Minh, south Vietnam
NAME ADDRESS OF SPONSOR : Vu HUynh Ngoc Lien
OR RELATIVE :
CITIZEN : Canadien
RELATIONSHIP WITH PRISIONER: Wife
NAME : Vu Huynh Ngoc Lien
ADDRESS OF INFORMANT : 4785 Bouchette# 07
Montréal, Quebec H3W 1C6
Canada

I swear that the above information is true to the best of my knowledge

Signature:

Date:

4785 Bouchette# 07
Montreal, Quebec
H3W 1C6
Canada

Jan. 15, 1988

Association for the defence
of political internees
Po box 5435
Arlington VA 2205
USA.

Dear Sirs/ Madams,

I would like to submit to your consideration the case of my husband Mr Vu Phi Hung, born on the december 1931 in Vietnam.

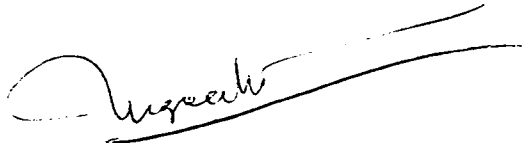
He is at present a political internee in the "Reeducation Camp" Xuan-Loc Dong-Nai (Vietnam) under the registration number " Doi 19Z 30 AKA Xuan-loc Dong-Nai" and this without any trial since 1975.

Until now he has spent more than 13 years of his life in jail. According to the recent letters we have received from Vietnam he is suffering from malnutrition, high arterial pressure and frequent renal troubles. In fact my husband's health is in worst situation because he has no relative in Vietnam to provide him food and medicin.

I am his wife and I am living in Montreal, Canada with our nine children. For 13 years, I have been living among tremendous moral and material difficulties. For years I have coped with physical survival only through dream and hope of our family reunion.

I am asking your invention for humanitarian reasons in favor of my husband; he has paid too much for his past role as officer in the south vietnamese army.

Your assitance in this matter will be deeply appreciate.

A handwritten signature in dark ink, appearing to be 'Nguyen', written over a horizontal line.

Respectfully yours,

4785 Bouchette# 07
Montreal, Quebec
H3W 1C6
Canada

Jan. 15, 1988

Association for the defence
of political internees
Po box 5435
Arlington VA 2205
USA.

Dear Sirs/ Madams,

I would like to submit to your consideration the case of my husband Mr Vu Phi Hung, born on the december 1931 in Vietnam.

He is at present a political internee in the "Reeducation Camp" Xuan-Loc Dong-Nai (Vietnam) under the registration number " Doi 19Z 30 AKA Xuan-loc Dong-Nai" and this without any trial since 1975.

Until now he has spent more than 13 years of his life in jail. According to the recent letters we have received from Vietnam he is suffering from malnutrition, high arterial pressure and frequent renal troubles. In fact my husband's health is in worst situation because he has no relative in Vietnam to provide him food and medicin.

I am his wife and I am living in Montreal, Canada with our nine children. For 13 years, I have been living among tremendous moral and material difficulties. For years I have coped with physical survival only through dream and hope of our family reunion.

I am asking your invention for humanitarian reasons in favor of my husband; he has paid too much for his past role as officer in the south vietnamese army.

Your assitance in this matter will be deeply appreciate.

A handwritten signature in dark ink, appearing to be 'Nguyen', with a long horizontal flourish extending to the right.

Respectfully yours,



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: [REDACTED]

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THO
HUỖNH VĂN HEN
HUỖNH KIM CHI
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN XUÂN LAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG
NGUYEN VAN GIOI

Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THO
President
HUỖNH VĂN HEN
1st Vice-President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
2nd Vice-President
TRẦN KIM DUNG
3rd Vice-President
NGUYEN VAN GIOI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer
HUỖNH KIM CHI
Deputy Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

NGUYỄN XUÂN LAN

27
Gửi elw
Khu Đm
duỗi bỏ
mú



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: [REDACTED]

Hội Đồng Quản Trị

Board of Directors

KHÚC MINH THO
HUỖNH VĂN HÈN
HUỖNH KIM CHI
NGUYỄN THỊ HANH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN XUÂN LAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG
NGUYEN VAN GIOI

Ban Chấp Hành T.U.

Executive Board

KHÚC MINH THO
President
HUỖNH VĂN HÈN
1st Vice-President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
2nd Vice-President
TRẦN KIM DUNG
3rd Vice-President
NGUYEN VAN GIOI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HANH
Treasurer
HUỖNH KIM CHI
Deputy Treasurer

Cố Vấn Đoàn

Advisory Committee

NGUYỄN XUÂN LAN

4785 Bouchette# 07
Montreal, Quebec
H3W 1C6
Canada

Jan. 15, 1988

Association for the defence
of political internees
Po box 5435
Arlington VA 2205
USA.

Dear Sirs/ Madams,

*M/S Xuan 1/29
đó là in this
the whole case
Canada due.*

I would like to submit to your commission the case of my husband
Mr Vu Phi Hung, born on the december 1931 in Vietnam.

He is at present a political internee in the "Reeducation Camp"
Xuan-Loc Dong-Nai (Vietnam) under the registration number " Doi 192 30
AKA Xuan-loc Dong-Nai" and this without any trial since 1975.

Until now he has spent more than 13 years of his life in jail. According to the recent letters we have received from Vietnam he is suffering from malnutrition, high arterial pressure and frequent renal troubles. In fact my husband's health is in worst situation because he has no relative in Vietnam to provide him food and medicin.

I am his wife and I am living in Montreal, Canada with our nine children. For 13 years, I have been living among tremendous moral and material difficulties. For years I have coped with physical survival only through dream and hope of our family reunion.

I am asking your invention for humanitarian reasons in favor of my husband; he has paid too much for his past role as officer in the south vietnamese army.

Your assitance in this matter will be deeply appreciate.



Respectfully yours,



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: [REDACTED]

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : _____ Yes, _____ No

EXIT VISA: _____ Yes _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM VŨ PHI HÙNG
Last Middle First

Current Address 702 Điện Biên Phủ P. 14 Q. 10 TP HCM.

Date of Birth 12/24/31 Place of Birth VN

Previous Occupation (before 1975) Colonel.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 06/09/75 To _____

3. SPONSOR'S NAME: Đỗ Thị Nkian
Name
[REDACTED] Lancaster PA. 17602
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

202/659-6625

Telex: 710 822 1164 ATTN: MRS

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam VU Last PHI Middle HUNG First

Current Address ĐÔI 19 Z 30A / KÁ XUAN LUX ĐÔNG NAI VIETNAM

Date of Birth 24-12-1931 Place of Birth HANOI

Names of Accompanying Relatives/Dependents

1. LUU THI HANH (21-02-1912) (MOTHER-IN-LAW)
2. HUYNH KIM NGUYEN (BROTHER-IN-LAW)

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 09-06-1975 To NOW

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

NAME	RELATIONSHIP	NAME	RELATIONSHIP
<u>VU HUYNH NGOC LIEN</u>	<u>(WIFE)</u>	<u>NGUYEN PHUONG THAO</u>	<u>(SON IN LAW)</u>
<u>VU HOANG ANH</u>	<u>(DAUGHTER)</u>		
<u>VU HOANG PHUONG</u>	<u>(DAUGHTER)</u>		

Form Completed By:

VU HUYNH NGOC LIEN
Name

[REDACTED] Address MONTREAL - QUEBEC H2P-1V7 CANADA.

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Số 4/14/85
ODP

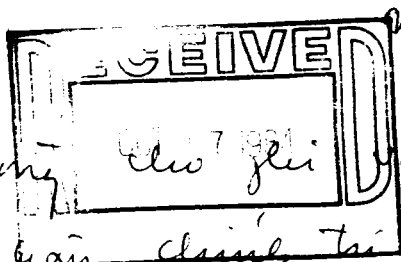
INTAKE FORM
Mẫu DƠN VỀ LÝ LỊCH

gọi: Hồ sơ

APPLICANT FOR ORDERLY DEPARTURE PROGRAM:

NAME (TÊN) : VU PHI HUNG
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 12 24 1931
(NĂM, NƠI SINH ĐẺ) Month (Tháng) Day (Ngày) Year (Năm)
SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : ☒ Female (Nữ) : ☐
MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : ☐ Married (có lập gia đình) : ☒
(Tình trạng gia đình)
ADDRESS IN VIETNAM : RE-EDUCATION CAMP : Z30A / KA - ĐỘI 19
(Địa chỉ tại VN) : XUAN-LOC - DONG NAI - SOUTH VIETNAM
POLITICAL PRISONER {Cò là Tù binh tại VN hay không} : Yes (Cò) ☒ No (Không) : ☐
: If yes (Nếu Cò) : From (Từ) : JUNE 9, 1975 To (Đến) : NOW
PLACE OF RE-EDUCATION : SUỐI MÀU (BIÊN HÒA - SOUTH VN), LAO KAY, YÊN-BÁI
CAMP (TRẠI TÙ) : HA-SON-BINH (52 ATD/63), XUAN LOC (South VN)
PROFESSION (Nghề Nghiệp) : COLONEL, DEPUTY COMMANDER OF 108 RANGER
EDUCATION IN U.S. : 1954-1956 : FORT BENNING (RANGER TRAINING) DIVISION
(DU HỌC TẠI MỸ) : 1967-1968 : FORT BENNING (INFANTRY COMMANDER)
VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : COLONEL REGIMENT
VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : 108 RANGER DIVISION DEPUTY Date (Năm) : 1975
(Trong chính phủ VN) COMMANDER
APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Cò) : ☐ IV Number (số hồ sơ) : ☐ No (Không) : ☒
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) : NONE
MAILING ADDRESS IN VN : VU PHI HUNG -
(Địa chỉ liên lạc tại VN) : Z30A / KA - ĐỘI 19 - XUAN LOC - DONG NAI - SOUTH VN
NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : DO THI NHAN
(Tên, Địa chỉ Thân nhân : [REDACTED] LANCASTER, PA 17603
hay Người Bảo Trợ)
U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : ☒ No (Không) : ☐
RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : AUNT
NAME AND SIGNATURE : DO THI NHAN [Signature]
ADDRESS OF INFORMANT : DO THI NHAN
(Tên, Địa chỉ, Chủ Ký, ĐT của người điền đơn này) : [REDACTED] LANCASTER, PA, 17603
DATE : Oct 30 1984 Tel: (717) 299-0083
Month (Tháng) Day (ngày) Year (năm)

Kính gửi Bà



Ngày 16/10/54

Xin Bà vui lòng cho tôi vào danh
sách các tù nhân chính trị hiện đang
bị V.C giam giữ ở Việt Nam để
có cơ hội may ra trở về nước đoàn
tụ ở chân trời Tự do -
Xin thành thật cảm ơn Bà -

Nay kính thư,
Mr. Phan

HOI GIA DINH TU NHAN CHINH TRI VIET NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
[REDACTED] - Falls Church, VA 22043

Page: (1)

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

AS OF: OCT 16, 84

OCT 17 1984

Order: No. :	Name and address :	Former rank/position :	Currently: detained :	Applied to: migrate to:	Address of immediate: relative in U.S./ other countries :	Remarks
			Yes: No :	Yes : No :		
1	VU, PHI HUNG 230A/KA đội 19 Xuân Lộc - Đồng Nai VIETNAM	Colonel (Rangers)	Yes	Yes	Mrs. Vu phi Hung [REDACTED] Montreal, QUEBEC H2P-1V7 CANADA	Colonel Hung is (at present) in the "Reeducation camp" at Vietnam Camp # 230A/KA đội 19 Xuân Lộc - Đồng Nai
2	Nguyen, Thanh Sang	Brigadier general	Yes	NOT yet	None	"Reeducation" Camp HA SON BINH Vietnam
3	Lê, Thưng Giang	Civilian officer Intelligence Service	Yes	NOT yet	None	"Reeducation" camp Thanh Hoa Vietnam
4	Đào Tuấn Kiệt	Major (Police officer)	Yes	Yes	Mr. ĐAỖ-NGOC-DANH [REDACTED] N. QUEBEC CANADA	"Reeducation" Camp Hàm Tân - Vietnam 230C/K1 -

October 5th, 1982.

To: Amnesty International
International Secretariat
10 Southampton Street
London WC2 E7HF, ENGLAND
Attn: Mr David McAree
Asia Research Department

Dear Sir .

I, the undersigned, HUYNH NGOC LIEN, a Vietnamese refugee reside at 510 Faillon Est # 15, MTL PQH 2 R1L5, Canada.

Through fear of tyranny, in 1980 my young children and I fled Vietnam, left behind my husband named VU PHI HUNG who, former Colonel of the Republic Vietnam Armed Forces, serial number 51/300539, Deputy Commander the 108th Ranger Division, is presently detained in the re-education camp of Ha-Son-Binh, North Vietnam.

Suffering from many years' hard labor, malnutrition, diseases and disgrace, my husband's health become my grave concern because nobody at home provides him with foods and medicine. I doubt that he will ~~not~~ be able to survive under the worst living conditions in the prison camp.

Based on Human Rights I therefore respectfully request you intervene with the Hanoi authorities to release him. I strongly rely on power of the Amnesty International.

Your assistance in this matter will be deeply appreciated.

Respectfully yours,

ỦY BAN QUẢN QUẢN THỊNH PHỐ
SÀI GÒN - GIA ĐÌNH

BAN DẠNG KÝ TRÌNH DIỄN SI QUÂN

Số: / CB

Sai gòn, Ngày 7 tháng 6 năm 1975

CHUYÊN BAO

(lưu trữ nhất)

Ban dạng ký trình diễn cấp tương, ta quan đối Sai gòn ở số nhà 91
Trần-Hoàng-Quan, quan 10 Sai gòn.

Bao do anh Đỗ Văn Hùng
ở số nhà 312 Phan Đình Bưu

đã ra trình diễn ngày 4 tháng 6 năm 1975.

Dang ở gia đình ở Hà-nội, ngày 4 tháng 6 năm 1975 có mặt tại địa điểm
trên để tiếp tục làm việc với cán bộ dạng ký.



NGUYỄN HỮU CHÍ

3-31-85
~~tu~~

Hồ sơ
Canada

Chỉ thư

biên thư cáo lỗi bàleen
đi - ai đờn rập - ta Xui co' !
rập - tui vù phi hững, gửi
rập - ta 6 bản copy đờn rập
ta đờn cho sly ai rập - ta
kẻ biết rập - ta lỗi đờn
quê quẻ, ai gửi vầy

Montréal 15 Mars

3-31-85
Hô số Canada
1985

Thỉnh gọi Bà Bộ trưởng hội từ nhân dân tại Việt Nam,

Kính thưa Bà,

Kính thưa Bà, hôm nay tôi xin Bà vui lòng
lời chân thành cảm ơn của tôi về sự tận tâm giúp
đỡ của Bà và quý hội.

Thưa Bà, hôm nay tôi xin Bà vui lòng
giúp tôi chuyển gửi tất cả những bài báo và giấy
bản cần thiết mà tôi đã báo tôi đến vào, nếu
có gì sơ xuất xin Bà vui lòng chỉ bảo giúp.
Tôi xin thành thật cảm ơn Bà.

Thưa Bà trong đơn có mục Position (chức vụ)
tôi ở kèm hình ảnh để có thể tham khảo chi tiết
chức năng tại Việt Nam. Xin Bà vui lòng sửa đổi giúp
nếu cần Bà rất nhiều.

Sao đây. xin Bà làm ơn cho tôi biết rõ.
Và đây là hàng đơn đính kèm có 2 mẫu giấy
vàng như theo chế độ.

RECEIVED
MAR 26 1985

- 2) Nguyễn Thanh Sầu
- 1) Lê Thiêm Quý
- Đào Xuân Kiệt
- 3) Nguyễn Hữu Thống
- 6) Nguyễn Thiệu
- 7) Lê Cầu
- 8) Phạm Đình Hùng

Và có lần tôi đến vào hai mẫu này

những người này là phải
đảm nhận các đơn kiện
ai gửi họ vậy?

cho mọi người vui hoàn về cho hơi. với ghi
chữ hồ sơ bổ túc. với người 2 mẫu.

Thưa Bà, tôi thật thất xui bà với
loại chữ báo rõ ràng. thật ra tôi chưa hiểu
ý bà. tôi đến vào mai đến vào với mẹ vào
bà hồ sơ, bổ túc mà bổ túc thế nào và tôi sẽ
bổ túc với tư cách gì và tôi cũng không hiểu
hết gì việc này. thật ra tôi dẫu biết lỗi với bà
tôi không làm với lòng bà được, xin bà
thôi lỗi cho.

Nếu bà có thể gỡ xui bà với lòng gì
thích rõ ràng, tôi xin sẵn sàng để làm đúng
như lời bà chỉ báo.

Tôi xin bà thông cảm và thôi lỗi cho tôi
và tôi chỗ thôi lỗi để tôi hiểu biết rõ ràng
và sẽ làm đúng như lời bà yêu cầu.

Tôi xin thật thật cảm ơn Bà và quý họ
vất nhiều.

Kính chào Bà và xin Chúc Bà cũng
quý họ đạt nhiều thành công mỹ mãn luôn
giúp cho các bạn tôi hiểu thoát khỏi cái tù
tôi khổ sở.

Kính chào Bà.

Tôi. Nguyễn

Huyệng Ngọc Liên. Vũ.

INTAKE FORM
MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH
CHO HỘI GIỮ

NAME (TÊN) : VU PHI HUNG
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 12 24 1931
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : Y Female (Nữ) :

MARITAL STATUS : Single (Độc thân): Married (có lập gia đình):
(Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : Đo 19 230 A/KA XUAN LOC DONG NAI VIET NAM
(Địa chỉ tại VN)

POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không): Yes (Có) No (Không)
: If yes (Nếu Có): From (Từ): 9.06.1975 To (Đến): NOW

PLACE OF RE-EDUCATION: Đo 19 230 A/KA XUAN LOC DONG NAI VIETNAM
CAMP (TRẠI TÙ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp): (MGR COLONEL) ARMY

EDUCATION IN U.S. : 1955 - 1956 : Ranger Fort Benning - Georgia USA
(DU HỌC TẠI MỸ) 1967 - 1968 : Sĩ QUAN CAO CẤP Fort Benning Georgia USA

VN ARMY (Quân đội VN): Rank (Cấp Bậc): MGR COLONEL

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ): trưởng phó bị đoàn BDD Date (Năm): 1974
(Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P.: Yes (Có): IV Number (số hồ sơ): No (Không)

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: (Số người đi theo): HAI

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2

MAILING ADDRESS IN VN: 762 DIEN BIEN PHU PHUONG 14 QUAN 10 TP HO CHI MINH
(Địa chỉ liên lạc tại VN) VIET NAM

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : HUYNH NGOC LIEN
(Tên, Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo Trử)

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ): No (Không):

RELATIONSHIP WITH PRISONER: (Liên hệ với người ở VN): VỐ

NAME AND SIGNATURE : HUYNH NGOC LIEN

ADDRESS OF INFORMANT (Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, ST của người điền đơn này) QUEBEC H2P. 3V7 CANADA

DATE : 19-02-85

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): HUYNH NGOC LIEN
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
LAM THI HANH	21-01-1912	MOTHER
HUYNH KIM NGUYEN	1943	BROTHER

ADDITIONAL INFORMATION:

INTAKE FORM
MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH

NAME (TÊN) : VU DHI HUNG
 Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 12 24 1931
 (NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : ☒ Female (Nữ) : ☐

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : Married (có lập gia đình) : ☒

(Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : 762 ĐIỆN BIÊN PHỦ THÀNH PHỐ
 (Địa chỉ tại VN) HỒ CHÍ MINH VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) : ☒ No (Không) : ☐

If yes (Nếu Có) : From (Từ) : 9-06-1975 To (Đến) : NOW

PLACE OF RE-EDUCATION : ĐỘI 19 230 A/KA XUÂN LỘC ĐÔNG NAI
 CAMP (TRẠI TÙ) VIET NAM

PROFESSION (Nghề Nghiệp) : BIG COLONEL

EDUCATION IN U.S. : 1955-1956 : RANGER FORT Benning - Georgia USA
 (DU HỌC TẠI MỸ) 1967-1968 Khóa Sĩ QUAN CAO CẤP FORT Benning Georgia

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : BIG COLONEL

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : TƯỚNG PHÓ SĨ ĐOÀN BẮC Date (Năm) : 1971
 (Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : ☒ IV Number (số hồ sơ) : No (Không) : ☐

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) : HAI

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2

MAILING ADDRESS IN VN : 762 ĐIỆN BIÊN PHỦ PHƯỜNG 14 QUẬN 10
 (Địa chỉ liên lạc tại VN) TP HỒ CHÍ MINH

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : HUYNH NGOC LIEN
 (Tên, Địa chỉ Thân nhân : [REDACTED] MTL PQ H2P 1V7 CANADA
 hay Người Bảo Trò)

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : No (Không) : ☒

RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : WIFE (WIFE)

NAME AND SIGNATURE : HUYNH NGOC LIEN
 ADDRESS OF INFORMANT : [REDACTED]
 (Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, ĐT của người điền đơn này) NTL PQ H2P 1V7 CANADA

DATE : 25.02.1985

INTAKE FORM
MẪU DÓN VỀ LÝ LỊCH

NAME (TÊN) : VU PHI HUNG
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 12 24 1931
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : ☒ Female (Nữ) : ☐

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : ☐ Married (có lập gia đình) : ☒
(Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : 762 ĐIỆN BIÊN PHU TP. HỒ CHÍ MINH
(Địa chỉ tại VN) : VIET NAM FIH Q 10

POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) ☒ No (Không) : ☐
: If yes (Nếu Có) : From (Từ) : 09-06-1975 To (Đến) : NOW

PLACE OF RE-EDUCATION : Đội 19 Z3D A / KA XUAN LAC ĐÔNG NAI VIETNAM
CAMP (TRẠI TÙ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp) : Big COLONEL

EDUCATION IN U.S. : 1955-1956 : Ranger Fort Benning - Georgia USA
(DU HỌC TẠI MỸ) : 1967-1968 Sĩ Quan CAO CẤP FORT Benning Georgia USA

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : Big COLONEL

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : đi lính phó Sĩ Quan Date (Năm) : 1971
(Trong chính phủ VN) : 108 Biệt Động Quân

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : ☒ IV Number (số hồ sơ) : No (Không) : ☐

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) : HAI

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2

MAILING ADDRESS IN VN : 762 ĐIỆN BIÊN PHU Phường 14 Quận 10 TP
(Địa chỉ liên lạc tại VN) : VIET NAM HỒ CHÍ MINH

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : HUYNH NGOC LIEN

(Tên, Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo Trò) : MTL PQ H2P 1V7 CANADA

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : ☐ No (Không) : ☒

RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : Vợ (WIFE)

NAME AND SIGNATURE : HUYNH NGOC LIEN

ADDRESS OF INFORMANT (Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, ĐT của người điền đơn này) : MTL PQ H2P-1V7 CANADA

DATE : 25 02 1985



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

202/659-8625

Telex: 710 822 1164 ATTN: MRS

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam VU PHI HUNG
Last Middle First

Current Address ĐỘI 19 2 30A/KA XUAN LOC ĐÔNG NAI VIETNAM

Date of Birth 24-12-1931 Place of Birth HANOI

Names of Accompanying Relatives/Dependents

1/ LUU THI HANH (21-07-1912) (MOTHER-IN-LAW)
2/ HUYNH KIM NGUYEN (BROTHER-IN-LAW)

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 9-06-1975 To NOW

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

NAME	RELATIONSHIP	NAME	RELATIONSHIP
<u>VU HUYNH NGOC LIEN</u>	<u>(WIFE)</u>	<u>NGUYEN PHUONG THAO</u>	<u>(SON IN LAW)</u>
<u>VU HOANG ANH</u>	<u>(DAUGHTER)</u>		
<u>VU HOANG PHUONG</u>	<u>(DAUGHTER)</u>		

Form Completed By:

VU HUYNH NGOC LIEN
Name

[REDACTED] MONTREAL - QUEBEC H2P-1U7 CANADA
Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

☐ OFFRE D'AIDE (RÉGION DU QUÉBEC)
OFFER OF ASSISTANCE (QUEBEC REGION)

☒ PARRAINAGE D'UNE DEMANDE PAR UN MEMBRE DE LA CATÉGORIE DE LA FAMILLE (RÉGION DU QUÉBEC)
SPONSORSHIP OF APPLICATION BY A MEMBER OF FAMILY CLASS (QUEBEC REGION)

NOM DU C.I.C. - NAME OF C.I.C.

CODE DU P/S
P/S CODE

N° DE RÉF. - FILE NO.

DEMANDE N° - APPLICATION NO.

NOM DU BUREAU DES VISAS - NAME OF VISA OFFICE

N° DE RÉF. DU BUREAU DES VISAS
VISA OFFICE FILE NO.ENGAGEMENT AUTORISÉ LE
DATE UNDERTAKING AUTHORIZED

J-D M A-Y

PERSONNE PRENANT L'ENGAGEMENT (GARANT-VOIR VERSO) - PERSON GIVING UNDERTAKING (GUARANTOR-SEE REVERSE)

NOM DE FAMILLE - FAMILY NAME

PRÉNOM - FIRST NAME

SECOND PRÉNOM
MIDDLE NAME
☐ M. - MR.
☒ MME - MRS.
☐ Mlle - MISS.
DATE DE
NAISSANCE
DATE OF BIRTH

J-D M A-Y

ADRESSE POSTALE ACTUELLE (N° ET RUE) - PRESENT MAILING ADDRESS (NO. AND STREET)

VILLE - CITY OR TOWN

PROVINCE

CODE POSTAL - POSTAL CODE

N° DE TÉLÉPHONE - TELEPHONE NO.

ÉTAT MATRIMONIAL
MARITAL STATUS

JE SUIS - I AM:

☐ CANADIEN DE
NAISSANCE
CANADIAN BORN

☐ CITOYEN CANADIEN PAR
NATURALISATION
A NATURALIZED
CANADIAN CITIZEN

☒ RÉSIDENT PERMANENT
DU CANADA
A PERMANENT RESIDENT
OF CANADA
J'AI ÉTÉ ADMIS(E)
AU CANADA LE
I WAS ADMITTED TO
CANADA ON

J-D M A-Y

POINT D'ENTRÉE - PORT OF ENTRY

LORS DE MON ADMISSION AU CANADA
MON NOM ÉTAIT
MY NAME AT THE TIME OF ADMISSION
TO CANADA WAS
☒ LE MÊME QUE CI-DESSUS, OU
SAME AS ABOVE, OR
J'AI OBTENU UN VISA
CANADIEN LE
I RECEIVED MY
CANADIAN VISA
ON

J-D M A-Y

NOM DU BUREAU DES VISAS - NAME OF VISA OFFICE

PROFESSION - I AM EMPLOYED AS (OCCUPATION)

SALAIRE ANNUEL
ANNUAL SALARY

NOM DE L'EMPLOYEUR OU DE L'ENTREPRISE - EMPLOYER'S NAME (OR NAME OF COMPANY)

ADRESSE (N° ET RUE) - ADDRESS (NO. AND STREET)

VILLE - CITY OR TOWN

PROVINCE

CODE POSTAL - POSTAL CODE

N° DE TÉLÉPHONE - TELEPHONE NO.

PERSONNE(S) VISÉE(S) PAR L'ENGAGEMENT (IMMIGRANTS NOMMÉS) - JOINDRE UNE FEUILLE DISTINCTE, S'IL Y A LIEU
PERSON(S) COVERED BY UNDERTAKING (NAMED IMMIGRANTS) - ATTACH SEPARATE SHEET, IF NECESSARY

NOM DE FAMILLE FAMILY NAME	PRÉNOMS GIVEN NAMES	LIEN DE PARENTÉ RELATIONSHIP	DATE, LIEU ET PAYS DE NAISSANCE DATE, PLACE AND COUNTRY OF BIRTH	ÉTAT MATRIMONIAL MARITAL STATUS	CITOYENNETÉ CITIZENSHIP
VU, PHI HUNG		EPOUX	24/10/31 HANOI, VIETNAM	MARIÉ	VIETNAME

ADRESSE POSTALE ACTUELLE COMPLETE DES IMMIGRANTS NOMMÉS - THE PRESENT COMPLETE MAILING ADDRESS OF THE NAMED IMMIGRANT(S) IS

B15 52A TD 63 HT HA SON BINH, HANOI, VIETNAM

N° DE TÉLÉPHONE - TELEPHONE NO.

JE RECONNAIS QUE POUR REMPLIR CETTE OFFRE D'AIDE EN CONFORMITÉ AVEC LE RÈGLEMENT FÉDÉRAL SUR L'IMMIGRATION JE DOIS PROUVER QUE JE SUIS EN MESURE DE
RESPECTER L'ENGAGEMENT FINANCIER REQUIS, LEQUEL ENGAGEMENT DOIT ÊTRE SOUSCRIT SUR UN FORMULAIRE DU MINISTÈRE DE L'IMMIGRATION DU QUÉBEC.I UNDERSTAND THAT IN ORDER TO COMPLETE THIS OFFER OF ASSISTANCE IN COMPLIANCE WITH FEDERAL IMMIGRATION REGULATIONS I WILL HAVE TO PROVE THAT I AM ABLE
TO FULFILL THE REQUIRED FINANCIAL UNDERTAKING, WHICH UNDERTAKING WILL HAVE TO BE GIVEN ON A FORM SUPPLIED BY THE QUÉBEC DEPARTMENT OF IMMIGRATION.EN FOI DE QUOI JE SIGNE DE MA MAIN LE PRÉSENT DOCUMENT CE
IN WITNESS WHEREOF I OFFER MY HAND THISJOUR DE
DAY OF

19 81

GARANT - GUARANTOR

CONJOINT - SPOUSE

AGENT D'IMMIGRATION (TÉMOIN - IMMIGRATION OFFICER (WITNESS)



Engagement

(À remplir par une personne qui désire se porter garante)

1. Je, soussigné, m'engage en faveur de la (des) personne(s) suivante(s):		No. d'ass. sociale	120453821
NOM CHEF DE FAMILLE	PRÉNOM	LIEN DE PARENTÉ AVEC LE GARANT	DATE DE NAISSANCE
Vu Phi Hung		époux	24/12/81
ADRESSE			
Xuan Loc Dong Nai Vietnam			
Autres personnes accompagnant le chef de famille			
NOM DE FAMILLE	PRÉNOM	LIEN DE PARENTÉ AVEC LE CHEF DE FAMILLE	DATE DE NAISSANCE

à subvenir, pendant la période d'établissement prévue, aux besoins essentiels tels qu'établis dans le règlement sur la sélection des ressortissants étrangers () dans la mesure où il(s) en a (ont) raisonnablement le besoin.

- Je m'engage de plus à rembourser le gouvernement du Québec de toute somme que celui-ci versera conformément à la Loi de l'aide sociale (1969, chap. 63) à la (aux) personne(s) visée(s) ci-dessus pendant la période d'établissement prévue.
- En outre, je m'engage à rembourser Sa Majesté du chef de toute province du Canada du montant des prestations d'aide sociale ou autres prestations de même nature, qu'elle accorderait pendant la période d'établissement prévue à la (aux) personne(s) visée(s) ci-dessus.
- La période d'établissement prévue par le présent engagement est de 10 an(s) à compter de la date de l'arrivée au Québec de la (des) personne(s) visée(s) ci-dessus.
- J'accepte que les poursuites en vertu du présent engagement puissent être entamées devant tout tribunal compétent du district judiciaire de Montréal.

En foi de quoi, j'ai signé à

en ce

jour de

19

Signature du Garant

Signature du conjoint

FAIT DEVANT MOI A

EN CE

JOUR DE

19

Fonctionnaire à l'immigration

Ministère
des Communautés, de l'Immigration
et de l'Immigration
MONTREAL QUEBEC H0Y

Số 2/9/85
Hội y/c số 1
liệt kê các ông
tư số 2 - 8.
(8h/s)

HUYNH, NGOC LIEN

MONTREAL, QUE.

H2P 1V7

DATE : 1984 06 18
DOSSIER: 2 01877 01

Objet: Demande de parrainage en faveur de:
VU, PHI HUNG

La présente fait suite à votre offre de parrainage déposée en
faveur de la personne nommée ci-dessus.

Bien que nous ayons accepté votre demande, et que tous les do-
cuments confirmant votre engagement aient été expédiés à notre bureau
d'immigration à Bangkok, nous tenons à préciser que nous ne pouvons
garantir pour autant l'émission du visa d'immigration de votre parent.

En effet, votre parent devra d'abord être muni d'un visa de sor-
tie ainsi que d'une autorisation à l'entrevue de sélection au Vietnam
délivrés par les autorités locales. De plus, comme vous le savez sans
doute, tout candidat de la catégorie de la famille doit pouvoir se qua-
lifier en regard des procédures habituelles d'immigration.

Nous vous prions d'agréer l'expression de nos sentiments les
meilleurs.

pour 
le conseiller à l'immigration



Engagement

(À remplir par une personne qui désire se porter garante)

1 Je, soussigné, m'engage en faveur de la (des) personne(s) suivante(s):			No. d'ass. sociale	120483821
NOM CHEF DE FAMILLE	PRÉNOM	LIEN DE PARENTÉ AVEC LE GARANT	DATE DE NAISSANCE	
Vu Phi Hung			24/12/81	
ADRESSE				
Xuan Loc Dong Nai Vietnam				
Autres personnes accompagnant le chef de famille			DATE DE NAISSANCE	
NOM DE FAMILLE	PRÉNOM	LIEN DE PARENTÉ AVEC LE CHEF DE FAMILLE		

à subvenir, pendant la période d'établissement prévue, aux besoins essentiels tels qu'établis dans le règlement sur la sélection des ressortissants étrangers () dans la mesure où il(s) en a (ont) raisonnablement le besoin.

- Je m'engage de plus à rembourser le gouvernement du Québec de toute somme que celui-ci versera conformément à la Loi de l'aide sociale (1969, chap. 63) à la (aux) personne(s) visée(s) ci-dessus pendant la période d'établissement prévue.
- En outre, je m'engage à rembourser Sa Majesté du chef de toute province du Canada du montant des prestations d'aide sociale ou autres prestations de même nature, qu'elle accorderait pendant la période d'établissement prévue à la (aux) personne(s) visée(s) ci-dessus.
- La période d'établissement prévue par le présent engagement est de 10 an(s) à compter de la date de l'arrivée au Québec de la (des) personne(s) visée(s) ci-dessus.
- J'accepte que les poursuites en vertu du présent engagement puissent être entamées devant tout tribunal compétent du district judiciaire de Montréal.

En foi de quoi, j'ai signé à

en ce

jour de

14^e

juin

19

84

Signature du Garant

Signature du conjoint

FAIT DEVANT MOI À

EN CE

14^e

JOUR DE

juin

19

84

Fonctionnaire à l'immigration



201877-01

Engagement

(À remplir par une personne qui désire se porter garante)

1. Je, soussigné, m'engage en faveur de la (des) personne(s) suivante(s) :				No. d'ass. sociale	120483821
NOM CHEF DE FAMILLE	PRÉNOM	LIEN DE PARENTÉ AVEC LE GARANT	DATE DE NAISSANCE		
W	P.H. HUNG	Grand	24/12/31		
ADRESSE					
315 527 TD 63 HT Ha Son Binh Hanoi					
Autres personnes accompagnant le chef de famille					
NOM DE FAMILLE	PRÉNOM	LIEN DE PARENTÉ AVEC LE CHEF DE FAMILLE	DATE DE NAISSANCE		
			VIETNAM		

à subvenir, pendant la période d'établissement prévue, aux besoins essentiels tels qu'établis dans le règlement sur la sélection des ressortissants étrangers () dans la mesure où il(s) en a (ont) raisonnablement le besoin

- Je m'engage de plus à rembourser le gouvernement du Québec de toute somme que celui-ci versera conformément à la Loi de l'aide sociale (1969, chap. 63) à la (aux) personne(s) visée(s) ci-dessus pendant la période d'établissement prévue.
- En outre, je m'engage à rembourser Sa Majesté du chef de toute province du Canada du montant des prestations d'aide sociale ou autres prestations de même nature, qu'elle accorderait pendant la période d'établissement prévue à la (aux) personne(s) visée(s) ci-dessus.
- La période d'établissement prévue par le présent engagement est de 10 an(s) à compter de la date de l'arrivée au Québec de la (des) personne(s) visée(s) ci-dessus.
- J'accepte que les poursuites en vertu du présent engagement puissent être entamées devant tout tribunal compétent du district judiciaire de Montréal.

En foi de quoi, j'ai signé à Montréal en ce 30^e jour de Décembre 19 81

Signature du Garant

Signature du conjoint

FAIT DEVANT MOI À Montréal EN CE 30^e JOUR DE Décembre 19 81

Fonctionnaire à l'immigration

230

☐ OFFRE D'AIDE (REGION DU QUEBEC)
OFFER OF ASSISTANCE (QUEBEC REGION)

☒ PARRAINAGE D'UNE DEMANDE PAR UN MEMBRE DE LA CATEGORIE DE LA FAMILLE (REGION DU QUEBEC)
SPONSORSHIP OF APPLICATION BY A MEMBER OF FAMILY CLASS (QUEBEC REGION)

NOM DU C.I.C. - NAME OF C.I.C.	CODE DU P/S P/S CODE	N° DE REF. - FILE NO	DEMANDE N° - APPLICATION NO
Ngan TOLON	2141216		Q 52316

NOM DU BUREAU DES VISAS - NAME OF VISA OFFICE	N° DE REF. DU BUREAU DES VISAS VISA OFFICE FILE NO.	ENGAGEMENT AUTORISE LE DATE UNDERTAKING AUTHORIZED	J-D	M	A-Y
PANGKAT					

PERSONNE PRENANT L'ENGAGEMENT (GARANT-VOIR VERSO) - PERSON GIVING UNDERTAKING (GUARANTOR-SEE REVERSE)

NOM DE FAMILLE - FAMILY NAME	PRENOM - FIRST NAME	SECOND PRENOM MIDDLE NAME	☐ M. - MR. ☒ MME - MRS. ☐ Mlle - MISS	DATE DE NAISSANCE DATE OF BIRTH	J-D	M	A-Y
HUYN H	NGOC	LIEN			19	01	37

ADRESSE POSTALE ACTUELLE (N° ET RUE) - PRESENT MAILING ADDRESS (NO. AND STREET)

VILLE - CITY OR TOWN	PROVINCE	CODE POSTAL - POSTAL CODE	N° DE TELEPHONE - TELEPHONE NO.	ETAT MATRIMONIAL MARITAL STATUS
Montreal	QUEBEC	H2H2-2N13		MARIEE

☐ CANADIEN DE NAISSANCE CANADIAN BORN	☐ CITOYEN CANADIEN PAR NATURALISATION A NATURALIZED CANADIAN CITIZEN	☒ RESIDENT PERMANENT DU CANADA A PERMANENT RESIDENT OF CANADA	J'AI ETE ADMIS(E) AU CANADA LE I WAS ADMITTED TO CANADA ON	J-D	M	A-Y	A	POINT D'ENTREE - PORT OF ENTRY
				27	03	81	AT	Longue Pointe (M)

LORS DE MON ADMISSION AU CANADA
MON NOM ETAIT
MY NAME AT THE TIME OF ADMISSION TO CANADA WAS

J'AI OBTENU UN VISA CANADIEN LE I RECEIVED MY CANADIAN VISA ON	J-D	M	A-Y	A	PROFESSION - I AM EMPLOYED AS (OCCUPATION)	SALAIRE ANNUEL ANNUAL SALARY
12	03	91	AT		Sans emploi	\$

NOM DE L'EMPLOYEUR OU DE L'ENTREPRISE - EMPLOYER'S NAME (OR NAME OF COMPANY)

ADRESSE (N° ET RUE) - ADDRESS (NO. AND STREET)	VILLE - CITY OR TOWN	PROVINCE	CODE POSTAL - POSTAL CODE	N° DE TELEPHONE - TELEPHONE NO.

PERSONNE(S) VISÉE(S) PAR L'ENGAGEMENT (IMMIGRANTS NOMMÉS) - JOINDRE UNE FEUILLE DISTINCTE S'IL Y A LIEU
PERSON(S) COVERED BY UNDERTAKING (NAMED IMMIGRANTS) - ATTACH SEPARATE SHEET, IF NECESSARY

NOM DE FAMILLE FAMILY NAME	PRENOMS GIVEN NAMES	LIEN DE PARENTÉ RELATIONSHIP	DATE, LIEU ET PAYS DE NAISSANCE DATE, PLACE AND COUNTRY OF BIRTH	ETAT MATRIMONIAL MARITAL STATUS	CITOYENNETÉ CITIZENSHIP
VU	PHI HUNG	EPOUX	24/10/81 Hanoi, Vietnam	MARIEE	VIET.

ADRESSE POSTALE ACTUELLE COMPLETE DES IMMIGRANTS NOMMÉS - THE PRESENT COMPLETE MAILING ADDRESS OF THE NAMED IMMIGRANT(S) IS

B15 52A TD 63 HT	HA SON BINH	HANOI	VIETNAM
------------------	-------------	-------	---------

JE RECONNAIS QUE POUR REMPLIR CETTE OFFRE D'AIDE EN CONFORMITÉ AVEC LE RÈGLEMENT FÉDÉRAL SUR L'IMMIGRATION JE DOIS PROUVER QUE JE SUIS EN MESURE DE RESPECTER L'ENGAGEMENT FINANCIER REQUIS, LEQUEL ENGAGEMENT DOIT ÊTRE SOUSCRIT SUR UN FORMULAIRE DU MINISTÈRE DE L'IMMIGRATION DU QUÉBEC.

I UNDERSTAND THAT IN ORDER TO COMPLETE THIS OFFER OF ASSISTANCE IN COMPLIANCE WITH FEDERAL IMMIGRATION REGULATIONS I WILL HAVE TO PROVE THAT I AM ABLE TO FULFILL THE REQUIRED FINANCIAL UNDERTAKING, WHICH UNDERTAKING WILL HAVE TO BE GIVEN ON A FORM SUPPLIED BY THE QUÉBEC DEPARTMENT OF IMMIGRATION

EN FOI DE QUOI JE SIGNE DE MA MAIN LE PRÉSENT DOCUMENT CE
IN WITNESS WHEREOF I OFFER MY HAND THIS

JOUR DE
DAY OF

GARANT - GUARANTOR

CONJOINT - SPOUSE

AGENT D'IMMIGRATION (TÉMOIN) - IMMIGRATION OFFICER (WITNESS)

AVIS AU GARANT

LES RENSEIGNEMENTS QU'IL FAUT INSCRIRE AU RECTO DU PRÉSENT FORMULAIRE VISENT À ÉTABLIR SI VOS PARENTS PEUVENT ÊTRE ADMIS AU CANADA ET À VOUS IDENTIFIER À TITRE DE GARANT, AUX TERMES DE LA LOI SUR L'IMMIGRATION DE 1976 ET DU RÈGLEMENT QUI S'Y RATTACHE. SI VOUS DESIREZ OBTENIR DES PRÉCISIONS QUANT À L'UTILISATION DES RENSEIGNEMENTS ET AU DROIT DE LES VÉRIFIER ET DE LES CORRIGER, VEUILLEZ CONSULTER LE CATALOGUE DES BANQUES FÉDÉRALES DE DONNÉES QUE VOUS POUVEZ VOUS PROCURER AU CANADA DANS LES BUREAUX DE POSTE ET LA PLUPART DES BIBLIOTHÈQUES.

L'ACCEPTATION DU PRÉSENT ENGAGEMENT NE CONSTITUE PAS UNE GARANTIE QUE LES IMMIGRANTS NOMMÉS OBTIENDRONT UN VISA D'IMMIGRANT. CES DERNIERS DEVRONT D'ABORD PROUVER, À UN BUREAU AU CANADIEN DES VISAS À L'ÉTRANGER, QU'ILS RÉPONDENT AUX EXIGENCES DE LA LOI SUR L'IMMIGRATION DE 1976 ET AU RÈGLEMENT ÉTABLI SOUS SON AUTORITÉ.

DES PEINES SERONT IMPOSÉES À QUICONQUE FAIT UNE FAUSSE DÉCLARATION. D'AILLEURS, LES ALINÉAS 95 (H), (N) ET (O) DE LA LOI SUR L'IMMIGRATION DE 1976 DISPOSENT:

95 TOUTE PERSONNE

(H) QUI, DE PROPOS DÉLIBÉRÉ FAIT UNE DÉCLARATION FAUSSE OU TROMPEUSE AU COURS D'UN EXAMEN OU D'UNE ENQUÊTE PRÉVU À LA PRÉSENTE LOI, OU AU SUJET DE L'ADMISSION D'UNE PERSONNE OU D'UNE DEMANDE D'ADMISSION PAR UN TIERS,

COMMET UNE INFRACTION ET EST PASSIBLE,

(N) SUR DÉCLARATION DE CULPABILITÉ PAR SUITE D'UNE PROCÉDURE PAR VOIE D'ACTE D'ACCUSATION, D'UNE AMENDE DE CINQ MILLE DOLLARS AU MAXIMUM OU D'UN EMPRISONNEMENT D'UNE DURÉE MAXIMALE DE DEUX ANS OU DES DEUX PEINES À LA FOIS, OU

(O) SUR DÉCLARATION SOMMAIRE DE CULPABILITÉ, D'UNE AMENDE DE MILLE DOLLARS AU MAXIMUM OU D'UN EMPRISONNEMENT D'UNE DURÉE MAXIMALE DE SIX MOIS, OU DES DEUX PEINES À LA FOIS.

AVANT DE DEMANDER DES RENSEIGNEMENTS À CE CIO AU SUJET DE LA DEMANDE DE VOS PARENTS, VEUILLEZ COMPTER AU MOINS 2 MOIS À PARTIR D'AUJOURD'HUI POUR QUE CELLE-CI PARVienne AU BUREAU D'IMMIGRATION CANADA À L'ÉTRANGER ET QU'IL L'ÉTUDE.

NOTICES TO GUARANTOR

THE INFORMATION TO BE PROVIDED ON THE FACE OF THIS UNDERTAKING IS REQUIRED FOR THE PURPOSES OF DETERMINING THE ELIGIBILITY FOR PERMANENT ADMISSION TO CANADA OF YOUR RELATIVES AND TO IDENTIFY YOU FOR THE PURPOSES OF THE UNDERTAKING AS AUTHORIZED BY THE IMMIGRATION ACT, 1976 AND THE REGULATIONS THEREUNDER. FOR MORE DETAILS ON USES AND THE RIGHTS FOR INSPECTING AND CORRECTING THE INFORMATION, REFER TO THE FEDERAL INFORMATION BANK INDEX AVAILABLE IN CANADA AT POST OFFICES AND MOST LIBRAIRIES.

ACCEPTANCE OF THIS UNDERTAKING IS NOT A GUARANTEE THAT THE NAMED IMMIGRANT(S) WILL BE ISSUED AN IMMIGRANT VISA. THE NAMED IMMIGRANT(S) MUST FIRST DEMONSTRATE, AT A CANADIAN VISA OFFICE OUTSIDE OF CANADA, THAT THEY COMPLY WITH THE REQUIREMENTS OF THE IMMIGRATION ACT, 1976 AND REGULATIONS THEREUNDER.

THERE IS A PENALTY FOR DECLARING FALSE INFORMATION. PARAGRAPHS 95 (H), (N) AND (O) OF THE IMMIGRATION ACT, 1976 STATE:

95 EVERY PERSON WHO

(H) KNOWINGLY MAKES ANY FALSE OR MISLEADING STATEMENT AT AN EXAMINATION OR INQUIRY UNDER THIS ACT OR IN CONNECTION WITH THE ADMISSION OF ANY PERSON OR THE APPLICATION FOR ADMISSION BY ANY PERSON,

IS GUILTY OF AN OFFENCE AND IS LIABLE

(N) ON CONVICTION OR INDICTMENT, TO A FINE NOT EXCEEDING FIVE THOUSAND DOLLARS OR TO IMPRISONMENT FOR A TERM NOT EXCEEDING TWO YEARS OR TO BOTH, OR

(O) ON SUMMARY CONVICTION, TO A FINE NOT EXCEEDING ONE THOUSAND DOLLARS OR TO IMPRISONMENT FOR A TERM NOT EXCEEDING SIX MONTHS OR TO BOTH.

PROCESSING TIME AT CANADIAN POSTS IN OTHER COUNTRIES VARIES CONSIDERABLY IN YOUR CASE. PLEASE ALLOW AT LEAST 2 MONTHS FROM TODAY'S DATE FOR YOUR RELATIVE'S APPLICATION TO BE RECEIVED AND ASSESSED AT OUR OVERSEAS OFFICE BEFORE INQUIRING AT THIS CIO AS TO DEVELOPMENTS.

JE COMPRENDS PARFAITEMENT L'AVIS LIBELLÉ CI-DESSUS - I FULLY UNDERSTAND THE ABOVE NOTICES

SIGNATURE DU GARANT
SIGNATURE OF GUARANTOR

DATE

SIGNATURE DE L'AGENT D'IMMIGRATION
SIGNATURE OF IMMIGRATION OFFICER

J'AI INTERPRÉTÉ FIDÈLEMENT ET EXACTEMENT EN
I HAVE FAITHFULLY AND ACCURATELY INTERPRETED IN THE

LES RENSEIGNEMENTS DONNÉS CI-DESSUS ET FIGURANT AU RECTO DU PRÉSENT ENGAGEMENT
LANGUAGE THE INFORMATION PROVIDED ABOVE AND ON THE FACE OF THIS UNDERTAKING

NOM
NAME

SIGNATURE

DATE

ỦY BAN QUẢN QUẢN TRỊ THỦ
SÀI GÒN - GIA ĐỊNH

BAN DẠNG KÝ TRÌNH DIỄN XI QUÂN

Sai Gòn

Sai Gòn, Ngày 7 tháng 6 năm 1975

CHẤY BAO

(lưu tâm nhất)

Ban dạng ký trình diễn cấp tướng, tá quân đội Sài Gòn ở số nhà 91
Trần-Hồng-Châm, quận 10 Sài Gòn.

Bao do anh

ở số nhà

đã ra trình diễn ngày tháng năm 1975.

Dang 6 giờ Ra-moi, ngày 9 tháng 6 năm 1975 có mặt tại địa điểm
trên để tiếp tục làm việc với anh bộ dạng ký.

ĐƯỢC LƯU KÝ TẠI



CHỖ ĐÓNG CHỮ

ỦY BAN QUẢN QUẢN TRỊ THỊ TRƯỜNG
SÀI GÒN - GIA ĐÌNH

BAN DĂNG KÝ TRÌNH DIỄN SĨ QUÂN

Số: /

Sai Gòn, Ngày 7 tháng 6 năm 1975

CHUYÊN BÁO

(lần đầu tiên)

Ban đăng ký trình diễn cấp tương, ta quan đối Sai Gòn & số nhà 91
Trần-Hoàng-Quan, quan 10 Sai Gòn

Bao de anh

o số nhà

đã ra trình diễn ngày tháng năm 1975.

Dùng 60 giờ Hà-nội, ngày 4 tháng 6 năm 1975 có mặt tại địa điểm
trên để tiếp tục làm việc với cán bộ đăng ký.



NGUYỄN HỮU CHÍ

ỦY BAN QUẢN QUẢN THỊNH THO
SAIGON - GIA DINH

BAN DẠNG KÝ TRÌNH DIỄN XI QUAN

Số: 103

Sai gon, Ngay 7 tháng 6 năm 1975

GIẤY BẠO

(lưu trữ nhất)

Ban dạng ký trình diễn cấp tương, ta quan doi Sai gon & số nhà 91
Tran-Hoang-Quan, quan 10 Sai gon.

Bao do anh Điêu pho Huynh
Số nhà 102 Phan Thieu bien Saigon

đã ra trình diễn ngay tháng 4 năm 1975.

Dang 6 giờ Ha-noi, ngay 9 tháng 6 năm 1975 có mặt tại địa điểm
trên để tiếp tục làm việc với cán bộ dạng ký.



CHUYÊN HỮU CHÍ

Lịch sử của 1 cựu quân nhân thuộc ngành Cảnh sát bị di học
tập cải tạo ở Việt Nam

Đào Tuấn Kiệt sinh ngày 29-01-1939 tại Saigon (Việt Nam),

Chức vụ: Thiếu Tá Cảnh sát - Chỉ huy trưởng

Đơn vị: ~~Quân~~ Ty Cảnh sát Quận Tân Bình (và quân Thủ Đức Saigon South Vietnam)

Chi trình diện với M.T.G.P.M.N. sau 30-04-1975 vào Lầu Thượng

19- Sau 1975 và bị di học tập cải tạo ở trại cải tạo Hà Nam Ninh thuộc những
bắc Việt Nam (từ tháng 5 năm 1974 đến ngày 7-04-1982) = 7 năm 10 tháng
23 ngày và được di chuyển về

29- Trại cải tạo cũ của Hàm Tân, tỉnh Thuận Hải (South Vietnam) từ
ngày 8-04-1982 đến 1984 ---- thuộc đơn vị K, hòm thư 250a

Thân nhân của Đào Tuấn Kiệt

Cha: Đào Ngọc Kiệt 94 tuổi di cư đến Canada vào 23-09-1981

Mẹ: Trần Thị Huân 96 tuổi di cư đến Canada vào năm 1975

-- Anh cả: Đào Ngọc Hào, cựu Đại tá, Tổng cục trưởng Tổng cục
tiếp vận của quân lực V.N.C.H. di cư đến Canada vào 1975

- Anh thứ tư: Đào Thanh Kiệt, Sinh viên du học định cư ở Mỹ quốc
vào năm 1963 hiện ở 1925, Paroluro Tr. Grapevine Texas

- Em thứ sáu: Đào Ngọc Oanh, cựu quân nhân ngành Cảnh sát di cư
đến Canada vào 1975, hiện ở 529, Clément Dorval Nord P.Q.
Québec (Canada)

Em thứ bảy: Đào Thanh Tông, cựu Thiếu tá Cảnh sát, Phó Chỉ huy trưởng
Ty Cảnh sát tỉnh Gò Công (South Vietnam) di cư đến Canada
vào năm 1975 và hiện định cư ở Canada

Em thứ tám: Đào Đức Bá, Sinh viên du học, định cư ở Canada
vào năm 1972 - Tất cả 4 anh, em đều định cư ở Canada

Vợ Đào Tuấn Kiệt: Trần Ngọc Viên 50 tuổi (25-10-45) hiện cư ở
V.N. số 193/33, Nguyễn Cửu Trinh, Quận I, T/P HCM. (Việt Nam)

Con trai Đào. tuấn. Kiệt: Đào. tuấn. Khaek 35 tuổ² ở chung với mẹ
tại Việt nam

Con gái Đào. tuấn. Kiệt: Đào. ngọc. Hằng 18 tuổ² ở chung với
mẹ tại Việt nam

October 5th, 1982.

To: Amnesty International
International Secretariat
10 Southampton Street
London WC2 E7HF, ENGLAND
Attn: Mr David McAree
Asia Research Department

Dear Sir

I, the undersigned, HUYNH NGOC LIEN, a Vietnamese refugee reside at 510 Faillon Est # 15, MTL PQH 2 R1L5, Canada.

Through fear of tyranny, in 1980 my young children and I fled Vietnam, left behind my husband named VU PHI HUNG who, former Colonel of the Republic Vietnam Armed Forces, serial number 51/300539, Deputy Commander the 108th Ranger Division, is presently detained in the re-education camp of Ha-Son-Binh, North Vietnam.

Suffering from many years' hard labor, malnutrition, diseases and disgrace, my husband's health become my grave concern because nobody at home provides him with foods and medicine. I doubt that he will ~~not~~ be able to survive under the worst living conditions in the prison camp.

Based on Human Rights I therefore respectfully request you intervene with the Hanoi authorities to release him. I strongly rely on power of the Amnesty International.

Your assistance in this matter will be deeply appreciated.

Respectfully yours,

October 5th, 1982.

To: Amnesty International
International Secretariat
10 Southampton Street
London WC2 E7HF, ENGLAND
Attn: Mr David McAree
Asia Research Department

Dear Sir

I, the undersigned, HUYNH NGOC LIEN, a Vietnamese refugee reside at 510 Faillon Est # 15, MTL PQH 2 R1L5, Canada.

Through fear of tyranny, in 1980 my young children and I fled Vietnam, left behind my husband named VU PHI HUNG who, former Colonel of the Republic Vietnam Armed Forces, serial number 51/300539, Deputy Commander the 108th Ranger Division, is presently detained in the re-education camp of Ha-Son-Binh, North Vietnam.

Suffering from many years' hard labor, malnutrition, diseases and disgrace, my husband's health become my grave concern because nobody at home provides him with foods and medicine. I doubt that he will not be able to survive under the worst living conditions in the prison camp.

Based on Human Rights I therefore respectfully request you intervene with the Hanoi authorities to release him. I strongly rely on power of the Amnesty International.

Your assistance in this matter will be deeply appreciated.

Respectfully yours,

October 5th, 1982.

To: Amnesty International
International Secretariat
10 Southampton Street
London WC2 E7HF, ENGLAND
Attn: Mr David McAree
Asia Research Department

Dear Sir

I, the undersigned, HUYNH NGOC LIEN, a Vietnamese refugee reside at 510 Faillon Est # 15, MTL PQH 2 R1L5, Canada.

Through fear of tyranny, in 1980 my young children and I fled Vietnam, left behind my husband named VU PHI HUNG who, former Colonel of the Republic Vietnam Armed Forces, serial number 51/300539, Deputy Commander the 108th Ranger Division, is presently detained in the re-education camp of Ha-Son-Binh, North Vietnam.

Suffering from many years' hard labor, malnutrition, diseases and disgrace, my husband's health become my grave concern because nobody at home provides him with foods and medicine. I doubt that he will ~~not~~ be able to survive under the worst living conditions in the prison camp.

Based on Human Rights I therefore respectfully request you intervene with the Hanoi authorities to release him. I strongly rely on power of the Amnesty International.

Your assistance in this matter will be deeply appreciated.

Respectfully yours,

HOI GIA DINH TU NHAN CHINH TRI VIET NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
- Falls Church, VA 22043

Page: (1)

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

AS OF: OCT 16, 84

Order: No. :	Name and address	Former rank/position	Currently: detained	Applied to: migrate to:	Address of immediate relative in U.S./ other countries	Remarks
:	:	:	in prison	the U.S.	:	:
:	:	:	Yes: No	Yes: No	:	:
1	VU, PHI HUNG 230A/ KA đội 19 Xuân Lộc - Đồng Nai Việt Nam	Colonel (Rangers)	Yes	Yes	Mrs. Vu Phi Hung [REDACTED] Montreal, QUEBEC H2P-1V7 CANADA	Colonel Hung is (at present) in the "Reeducation Camp" at Vietnam Camp # 230A/ KA đội 19 Xuân Lộc - Đồng Nai
2	Nguyễn, Thanh Sảng	Brigadier general	Yes	Not yet	None	"Reeducation" Camp HA SON BINH Viet Nam
3	Lê, Hương Giang	Civilian officer Intelligence Service	Yes	Not yet	None	"Reeducation" Camp Thanh Hoa Viet Nam
4	Đào Tuấn Kiệt	Major (Police officer)	Yes	Yes	Mr. ĐAO-NGOC-DANH [REDACTED] N. QUEBEC CANADA	"Reeducation" Camp Hàm Tân - Vietnam 230C/K1 -

★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★

AS OF: Sept 17, 84

[illegible]

HOI GIA DINH TU NHAN CHINH TRI VIET NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
[REDACTED] - Falls Church, VA 22043

Page: ①

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

AS OF: OCT 16, 84

Order: : Former : Currently: Applied to: Address of immediate:
No. : Name and address : rank/position: detained : migrate to: relative in U.S./ : Remarks
: : : in prison: the U.S. : other countries :
: : : Yes: No : Yes : No :

1	VU, PHI HUNG 230A/ KA ^{đội 19} Xuân Lộc - ^{Đông Nai} Việt Nam	Colonel (Rangers)	Yes	Yes	Mrs. Vu Phi Hung [REDACTED] Montreal, QUEBEC H2P-1V7 CANADA	Colonel Hung is (at present) in the "Reeducation camp" at Vietnam Camp # 230A/ KA ^{đội 19} Xuân Lộc - ^{Đông Nai}
2	Nguyen, Thanh Sang	Brigadier general	Yes	Not yet	None	"Reeducation" Camp HA SON BINH Viet Nam
3	Lê, Thung Giang	Civilian officer Intelligence Service	Yes	Not yet	None	"Reeducation" camp Thanh Hoa Viet Nam
4	Đào Tuấn Kiệt	Major (Police officer)	Yes	Yes	Mr. ĐAO-NGOC-DANH [REDACTED] N. QUEBEC CANADA	"Reeducation" Camp Hàm Tân - Vietnam 230C/K1-

HOI GIA DINH TU NHAN CHINH TRI VIET NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
- Falls Church, VA 22043

Page: ①

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

AS OF: OCT 16, 84

Order: No. :	Name and address	Former rank/position	Currently: detained	Applied to: migrate to:	Address of immediate: relative in U.S./ other countries	Remarks
			Yes: NO : Yes : No :			
1	VU, PHI HUNG 230A/ KA đội 19 Xuân Lộc - Đồng Nai Việt Nam	Colonel (Rangers)	Yes	Yes	Mrs. Vu Phi Hung [REDACTED] Montreal, QUEBEC H2P-1V7 CANADA	Colonel Hung is (at present) in the "Reeducation Camp" at Vietnam Camp # 230A/ KA đội 19 Xuân Lộc - Đồng Nai
2	Nguyen, Thanh Sang	Brigadier general	Yes	Not yet	None	"Reeducation" Camp HA SON BINH Viet Nam
3	Lê, Thuy Giang	Civilian officer Intelligence service	Yes	Not yet	None	"Reeducation" camp Thanh Hoa Viet Nam
4	Đào Tuấn Kiệt	Major (Police officer)	Yes	Yes	Mr. ĐAO-NGUC-DANH [REDACTED] N. QUEBEC CANADA	"Reeducation" Camp Hàm Tân - Vietnam 230C/K1-

Card
10/28/84
Wanh

INTAKE FORM
MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH

PRISONER'S NAME (TÊN) : VŨ PHI HÙNG
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH :
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : Female (Nữ) :

MARITAL STATUS : Single (Dộc thân) : Married (có lập gia đình) :
(Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM :
(Địa chỉ tại VN)

POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) ☒ No (Không) :
: If yes (Nếu Có) : From (Từ) : To (Đến) :

PLACE OF RE-EDUCATION :
CAMP (TRẠI TÙ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp) :

EDUCATION IN U.S. :
(DU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : TRUNG TÁ

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : Date (Năm) :
(Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : IV Number (số hồ sơ) : No (Không) :

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) :
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2

MAILING ADDRESS IN VN :
(Địa chỉ liên lạc tại VN)

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : VŨ HUỲNH NGỌC LIÊN
(Tên, Địa chỉ Thân nhân : MONTREAL - QUEBEC - H 2 P - LV 7 - CANADA
hay Người Bảo Trô)

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : No (Không) :

RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) :

NAME AND SIGNATURE :
ADDRESS OF INFORMANT
(Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, BT của người điền đơn này)

DATE :

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): VŨ PHI HƯNG
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.

ADDITIONAL INFORMATION:

1ST
CLASS

1^{RE}
CLASSE

1ST
CLASS

1^{RE}
CLASSE

1ST
CLASS

1^{RE}
CLASSE

1^{RE}
CLASSE

1ST
CLASS



FROM: Vu huynh Ngoc Lien
4785 Bouchette# 07
H3W 1C6
Montréal, Quebec
Canada

JAN 29 1988

TO: ASSOCIATION FOR THE DEFENCE
OF POLITICAL INTERESTS
PO BOX 5435
ARLINGTON VA 2205
USA.

C O N T R O L

 Card
 ☒ Doc. Request; Form 217188
 Release Order
 ☒ Computer 4/2/89
 Form "D"
 ODF/Date _____
 Membership; Letter